

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

THƯ MỜI THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông,

Tên Cổ đông:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã Cổ đông:

Số CMND/ĐKKD:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các thông tin cụ thể như sau:

- Thời gian** : 8h00, ngày 28 tháng 04 năm 2021
- Địa điểm** : Phòng Thăng Long - Tầng 19, Khách sạn SUPER HOTEL Candle tại 287-301 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
- Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**: Chương trình chi tiết & Tài liệu Đại hội được đăng tải trên trang website của Công ty tại địa chỉ <http://vinainvest.com.vn> Quý cổ đông có thể truy cập vào địa chỉ trang website này để tiếp cận toàn văn các tài liệu liên quan đến Đại hội và được cập nhật cho đến khi Đại hội kết thúc.
- Thành phần tham dự**: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư VINATABA có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày **05/04/2021** do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Cổ đông.
- Đăng ký tham dự đại hội**: Để thuận tiện cho công tác tổ chức, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc đăng ký tham dự trước **16h00 ngày 27 tháng 04 năm 2021** thông qua các hình thức: thư, điện thoại, email theo địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 0825528745

Email: vinainvest.info@gmail.com

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần xuất trình các giấy tờ sau:**
 - Bản gốc CMND/CCCD hoặc hộ chiếu;
 - Bản gốc Thư mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
 - Bản gốc Giấy ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo (đỏ) của Công ty (trong trường hợp người tham dự nhận ủy quyền từ cổ đông);
 - Bản photocopy CMND/CCCD/Hộ chiếu (hoặc GCNĐKDN) của Bên ủy quyền (trong trường hợp người tham dự nhận ủy quyền từ cổ đông).

Trân trọng thông báo và kính mời./.

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông;

- Đăng tải trên website của Công ty;

- Lưu văn thư.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Tài liệu đính kèm: Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo (đỏ) của Công ty.

LÊ CHÍ LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021

THƯ XÁC NHẬN

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Tên cổ đông:.....

Số CMND/Hộ chiếu/CCCD/ĐKDN:.....

Ngày cấp Nơi cấp

Người đại diện theo pháp luật (nếu cổ đông là tổ chức):

Điện thoại:.....

Số cổ phần nắm giữ tính đến hết ngày **05/04/2021** chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA là:

.....

Tôi/chúng tôi xác nhận như sau:

- ☐ Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- ☐ Ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- ☐ Ủy quyền cho một (01) trong những thành viên của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tôi/chúng tôi cam kết sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA và chấp hành đúng các quy định, quy chế của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên/Đóng dấu (nếu có))

** Thư xác nhận này chỉ nhằm mục đích đăng ký tham dự họp, giúp Ban tổ chức chuẩn bị Đại hội một cách chu đáo. Tại ngày diễn ra Đại hội, Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự cần xuất trình đầy đủ các giấy tờ như đã nêu rõ trong thư mời họp.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông:Mã cổ đông:.....

Số CMND/Hộ chiếu/CCCD/DKKD:

Ngày cấp Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú/ Trụ sở chính:.....

Hiện đang sở hữu số cổ phần tính đến hết ngày **05/04/2021** chốt cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA là:.....cổ phần. (Bằng chữ:..... cổ phần)

Người đại diện theo pháp luật (Nếu cổ đông là tổ chức):

Số CMND/Hộ chiếu/CCCD của Người đại diện pháp luật:

Ngày cấp Nơi cấp:.....

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

2.1. Tên cá nhân:

CMND/Hộ chiếu/CCCD: Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Số điện thoại:.....Địa chỉ liên hệ:

(Trường hợp cổ đông tổ chức ủy quyền cho nhiều người nhận ủy quyền thì lập danh sách theo mẫu kèm theo)

HOẶC

2.2. Ủy quyền cho một (01) trong những thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA sau: (đánh dấu x vào ô vuông)

☐ Ông Lê Chí Long – Chủ tịch HĐQT

☐ Ông Đỗ Anh Ngọc – Thành viên HĐQT

☐ Bà Lê Thị Hạnh – Thành viên HĐQT

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

3.1. Số cổ phần ủy quyền: cổ phần. Bằng chữ:cổ phần

3.2. Phạm vi ủy quyền:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VINATABA và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Bên được ủy quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Bên ủy quyền là cá nhân chỉ ủy quyền tối đa cho một (01)

người, Bên ủy quyền là tổ chức nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (03) người.

4. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA và các quy định của Ban tổ chức đại hội.
- Bên được ủy quyền có trách nhiệm xuất trình Bản gốc CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu trước khi tham dự đại hội. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi đính kèm: Bản gốc Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có đóng dấu treo (đỏ) của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA; Bản photocopy CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Bên ủy quyền và được đối chiếu với Bản gốc CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu của Bên được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA kết thúc.

....., ngày..... tháng.....năm 2021

BÊN ỦY QUYỀN

Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC KÈM THEO GIẤY ỦY QUYỀN

(Trường hợp một cổ đông tổ chức ủy quyền cho nhiều người nhận ủy quyền)

STT	Họ và tên Người nhận ủy quyền	Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu – ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nhận ủy quyền (<i>bằng số, bằng chữ</i>)	Chữ ký người ủy quyền
1				
2				
3				

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**Địa chỉ:** SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA****Thời gian dự kiến** : 08:00 – 12:00, ngày 28 tháng 04 năm 2021**Địa điểm** : Phòng Thăng Long - Tầng 19, Khách sạn SUPER HOTEL Candle tại 287-301 Đội
Cán, Ba Đình, Hà Nội

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
I.	Thủ tục tiến hành đại hội	
1	Đón khách, đăng ký cổ đông	08:00 – 09:00
2	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	09:00 – 09:05
3	Khai mạc Đại hội; Giới thiệu đại biểu, khách mời	09:05 – 09:10
4	Thông qua quy chế tổ chức Đại hội	09:10 – 09:20
5	Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban Thư Ký và thông qua Ban kiểm phiếu	09:20– 09:25
6	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	09:25– 09:30
II.	Trình bày các nội dung nghị sự tại Đại hội	
1	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2020;- Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2020;- Tờ trình số 01: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;- Tờ trình số 02: Kế hoạch kinh doanh năm 2021;- Tờ trình số 03: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;- Tờ trình số 04: Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021;- Tờ trình số 05: Điều lệ mới của Công ty;- Tờ trình số 06: Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;- Tờ trình số 07: Quy chế Hoạt động của HĐQT;- Tờ trình số 08: Quy chế Hoạt động của BKS;	09:30– 09:40
2	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình số 09: Miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Văn Chiến	09:40 – 09:45
3	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS- Tờ trình số 10: Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023- Tờ trình số 11: Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2021 - 2025	09:45 – 09:55

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

III.	Thảo luận và biểu quyết	
1	Thảo luận các nội dung nghị sự tại Đại hội	09:55 – 10:55
2	Ban kiểm phiếu hướng dẫn việc biểu quyết và bầu cử	10:55 – 11:10
3	Giải lao	11:10 – 11:25
4	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung nghị sự tại Đại hội	11:25 – 11:40
5	Công bố kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS	11:40 – 11:45
IV.	Bế mạc Đại hội	
1	Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	11:45 – 11:55
2	Nghi thức tri ân HĐQT nhiệm kỳ cũ và Trưởng BKS cũ; ra mắt HĐQT nhiệm kỳ mới, thành viên BKS mới.	11:55 – 12:00
3	Bế mạc	12:00

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba.*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**ĐHĐCĐ**” hoặc “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Công ty**”).
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông (còn có thể được gọi là “**Đại biểu**”) và các thành phần được quyền tham gia ĐHĐCĐ, điều kiện, thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ, phương thức biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông và các thành phần được quyền tham gia ĐHĐCĐ có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG,

NGƯỜI THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- 3.1 Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ:
Là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày **05/04/2021** của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba hoặc người được ủy quyền hợp lệ của cổ đông.
- 3.2 Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự ĐHĐCĐ:
 - (a) Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo Chương trình họp ĐHĐCĐ đã được thông qua theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- (b) Trường hợp không thể tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm theo Thư mời họp ĐHĐCĐ của Công ty.
- (c) Sau khi đăng ký tham dự ĐHĐCĐ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận các Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.
- (d) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký tham dự họp ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ:

- (a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo bản gốc CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu; bản gốc Thư mời họp; bản photocopy CMND/Hộ chiếu/CCCD/GCNĐKDN của cổ đông ủy quyền, bản gốc Giấy ủy quyền có đóng dấu treo (đỏ) của Công ty (trong trường hợp người tham dự nhận ủy quyền từ cổ đông) để xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội theo quy định.
- (b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- (c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (d) Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- (e) Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong phòng họp ĐHĐCĐ. Việc sử dụng điện thoại di động phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ và những người tham dự họp xung quanh.
- (f) Không quay phim, chụp ảnh, ghi âm nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa trong thời gian Đại hội diễn ra, ngoại trừ việc quay phim, chụp ảnh, ghi âm của Ban tổ chức nhằm phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội.
- (g) Không truyền tin ra ngoài dưới mọi hình thức cho đến khi có kết luận cuộc họp trừ trường hợp được sự cho phép của Chủ tọa Đại hội.
- (h) Khi muốn phát biểu, thảo luận tại Đại hội, cổ đông/người đại diện của cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Đại hội. Nội dung phát biểu ngắn gọn, súc tích, tránh trùng lặp, tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua.

- (i) Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi vào phòng họp ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.
- (j) Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Ban Tổ chức Đại hội, không có hành động cản trở, gây rối hoặc gây mất trật tự Đại hội.
- (k) Người tham dự Đại hội ngồi tại vị trí phù hợp theo hướng dẫn của Ban Tổ chức.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch

- 4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa Đại hội. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

Đoàn chủ tịch Đại hội gồm 02 (hai) thành viên là các thành viên HĐQT.

- 4.2 Chủ tọa Đại hội có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:

- (a) Điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (b) Hướng dẫn các khách mời, Đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
- (c) Kết luận những vấn đề được thảo luận tại Đại hội, điều hành thông qua biên bản, nghị quyết của Đại hội.
- (d) Trả lời hoặc yêu cầu thành viên Đoàn chủ tịch, ban lãnh đạo Công ty, các nhân sự khác trong Công ty và đơn vị tư vấn của Công ty trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (e) Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (f) Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - ✓ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - ✓ Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - ✓ Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- (g) Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- (h) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua.
- (i) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội, các bộ phận hỗ trợ khác và khách mời

- 5.1 Ban thư ký do Chủ tọa Đại hội cử thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch. Ban Thư ký có nhiệm vụ:
- (a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/người đại diện của cổ đông thông qua tại Đại hội.
 - (b) Soạn Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.
 - (c) Tiếp nhận và chuyển đến Đoàn chủ tịch các phiếu câu hỏi/phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của cổ đông/người đại diện của cổ đông; nhận thư, tài liệu liên quan đến Đại hội.
 - (d) Thu nhận, bảo quản và gửi tới Đoàn chủ tịch Đại hội các phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông/người đại diện của cổ đông tại Đại hội.
 - (e) Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.
- 5.2 Các bộ phận hỗ trợ khác, khách mời: việc tham gia của các bộ phận hỗ trợ khác và khách mời do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định trong trường hợp cần thiết.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 (ba) thành viên do Công ty đề cử và được giới thiệu với ĐHĐCĐ, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ đủ điều kiện dự họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại Quy chế này.
- (b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp ĐHĐCĐ: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp khác.
- (c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.
- (d) Trả lời chất vấn hoặc phát hiện các vấn đề cần xem xét về tư cách cổ đông;
- (e) Xem xét việc tuân thủ điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- (f) Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 7.1 Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Việc kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả biểu quyết phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành trên nguyên tắc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.
- 7.2 Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
- (a) Giới thiệu/hướng dẫn sử dụng Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết.

- (b) Tiến hành thu/kiểm đếm Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- (c) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- (d) Tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu.
- (e) Báo cáo hoặc chuyển cho Chủ tọa công bố trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.
- (f) Đối với việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị:
 - + Phổ biến quy chế bầu cử, hướng dẫn bầu cử và tổ chức bầu cử;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông;
 - + Cùng Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - + Thực hiện các công việc khác phục vụ cho việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Thẻ lệ biểu quyết.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội và bầu cử

10.1. Biểu quyết

Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành thông qua hai phương thức: (i) gior Thẻ biểu quyết; (ii) thu Phiếu biểu quyết. Một số thuật ngữ được sử dụng trong Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được hiểu và giải thích như sau:

- “**Đại biểu**”: được hiểu là cổ đông/người đại diện của cổ đông;
- “**Tổng số lượng cổ phần đại diện**”: được hiểu là số cổ phần có quyền biểu quyết bao gồm số lượng cổ phần do Đại biểu sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền từ một hoặc nhiều cổ đông khác;
- “**Không ý kiến**”: được hiểu là việc Đại biểu **không có ý kiến** đối với nội dung biểu quyết tại chương trình họp Đại hội theo quy định tại Khoản 5 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

10.1.1. Biểu quyết bằng phương thức gior Thẻ biểu quyết

*a. Các nội dung biểu quyết bằng phương thức giơ **Thẻ biểu quyết***

- Thông qua Ban Kiểm phiếu;
- Thông qua Chương trình Đại hội;
- Thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội;
- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội trong trường hợp không dùng Phiếu biểu quyết (nếu có).

b. Cách thức biểu quyết

- Mỗi cổ đông/người đại diện của cổ đông tham dự Đại hội đều được phát một Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết những nội dung tại Điều 10.1.1.a bên trên. Thẻ biểu quyết ghi rõ tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, mã số cổ đông/mã số dự họp (nếu có) và được đóng dấu treo đỏ của Công ty.
- Cổ đông/người đại diện của cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (Đồng ý/Không đồng ý/Không có ý kiến) cho từng nội dung. Đối với các vấn đề biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, các cổ đông/người đại diện của cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết của mình lên khi được Chủ tọa hỏi. Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông/người đại diện của cổ đông *Đồng ý* sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên trước, tiếp sau đó cổ đông/người đại diện của cổ đông *không đồng ý* hoặc *không có ý kiến* sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.
- Các trường hợp việc biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết của cổ đông/người đại diện của cổ đông được coi là không hợp lệ:
 - + Cổ đông/đại diện của cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết *Đồng ý*, *Không đồng ý* hoặc *Không có ý kiến* của một vấn đề.
 - + Cổ đông/đại diện của cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết một vấn đề.
- Ban Kiểm phiếu theo dõi, lập biên bản kết quả biểu quyết và báo cáo trước Đại hội.

10.1.2. Biểu quyết bằng phương thức thu *Phiếu biểu quyết*

*a. Các nội dung biểu quyết bằng phương thức thu **Phiếu biểu quyết***

- Báo cáo của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") năm 2020;
- Báo cáo của Ban kiểm soát ("**BKS**") năm 2020;
- Tờ trình số 01: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
- Tờ trình số 02: Kế hoạch kinh doanh năm 2021;

- Tờ trình số 03: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Tờ trình số 04: Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021;
- Tờ trình số 05: Điều lệ mới của Công ty;
- Tờ trình số 06: Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;
- Tờ trình số 07: Quy chế Hoạt động của HĐQT;
- Tờ trình số 08: Quy chế Hoạt động của BKS;
- Tờ trình số 09: Miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Văn Chiên;
- Tờ trình số 10: Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023;
- Tờ trình số 11: Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2021 – 2025.

b. Cách thức biểu quyết

- Mỗi cổ đông/người đại diện của cổ đông được phát 01 (một) Phiếu biểu quyết (màu trắng), ghi rõ tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, mã Đại cổ đông, các nội dung biểu quyết và được đóng dấu treo của Công ty. Mỗi nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết có 3 ô để cổ đông/người đại diện của cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:
 - + Ô biểu quyết *Đồng ý*
 - + Ô biểu quyết *Không đồng ý*
 - + Ô biểu quyết *Không có ý kiến*
- Khi biểu quyết từng nội dung, cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (*Đồng ý* hoặc *Không đồng ý* hoặc *Không ý kiến*) bằng cách đánh dấu (x) hoặc dấu (v) vào 01 trong 03 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu.
- Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung mà cổ đông/người đại diện của cổ đông không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng nội dung biểu quyết đó. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.
- Phiếu biểu quyết là không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - + Phiếu biểu quyết không theo mẫu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không được đóng dấu Công ty;
 - + Phiếu biểu quyết rách, nát hoặc có viết thêm bất kỳ ký hiệu nào khác;
 - + Phiếu biểu quyết không được cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp ký và ghi rõ họ tên;

- + Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa;
- + Phiếu biểu quyết có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ.
- Việc nộp Phiếu biểu quyết được thực hiện theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội.
- Trường hợp cổ đông/người đại diện của cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết (“**Phiếu biểu quyết hỏng**”), nếu cổ đông/người đại diện của cổ đông chưa bỏ phiếu vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết hỏng để đổi lấy Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ban kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết hỏng gửi lại Chủ tọa Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thu Phiếu biểu quyết, kiểm Phiếu biểu quyết, lập biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

Điều 11. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc

Sau khi các báo cáo, tờ trình được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

- 11.1 Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch qua Ban Thư ký Đại hội. Sau khi được Chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.
- 11.2 Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp.
- 11.3 Trong trường hợp việc thảo luận vượt quá thời gian chương trình họp ĐHĐCĐ, các câu hỏi chưa được trả lời tại Đại hội sẽ được Thư ký tập họp và Đoàn chủ tịch có thể trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 12. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề được trình tại Đại hội được thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ của Công ty.

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được Thư ký Đại hội ghi và lập thành Biên bản Đại hội. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ và được lưu giữ vào Sổ biên bản của Công ty.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 14. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

- 14.1 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 14.2 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 14.1 Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền dự họp.

CHƯƠNG V

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

- 15.1. Trường hợp cá nhân nào vi phạm Quy chế này sẽ bị mời rời khỏi Đại hội.
- 15.2. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ

**BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Điều lệ Công ty**”);
- Căn cứ tình hình thực tế.

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát (“**BKS**”), thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (“**Công ty**”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023, thành viên HDQT nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA.

Điều 2. Quy định chung

- 1.** Công việc tổ chức bầu cử thành viên BKS, HDQT được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Ban Kiểm phiếu thực hiện. Ban Kiểm phiếu bao gồm 03 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 2. Công việc tổ chức bầu cử cụ thể bao gồm:**
 - 2.1 Kiểm tra và công bố danh sách các ứng cử viên BKS, HDQT;
 - 2.2 Hướng dẫn bầu cử, bỏ phiếu, thu phiếu;
 - 2.3 Tiến hành kiểm phiếu;
 - 2.4 Lập Biên bản bầu cử, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.5 Cùng Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về ứng cử viên cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 3. Nguyên tắc bầu cử thành viên BKS, HDQT**
 - 3.1 Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ công bằng;
 - 3.2 Số lượng thành viên BKS, HDQT được bầu cử, cụ thể như sau:
 - Số lượng thành viên BKS được bầu cử: 01 thành viên;

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu cử: 03 thành viên.

3.3 Việc bầu cử thành viên BKS, HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu cử của BKS, HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên BKS, HĐQT.

4. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên BKS, thành viên HĐQT

Căn cứ Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020 quy định: “*Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.*”

Căn cứ Khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng, Phụ lục I (Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định: “*Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.*”

Điều lệ hiện hành của công ty vẫn áp dụng Luật Doanh nghiệp 2014, do đó, để tuân thủ và phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 166/2020 thì điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 như sau:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tính đến **ngày 05/04/2021** – tức ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cụ thể: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu:

- ✓ Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 01 thành viên;
- ✓ Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 thành viên;
- ✓ Từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử, ứng cử tối đa 03 thành viên.

5. Tiêu chuẩn ứng cử viên BKS, HĐQT

5.1. Tiêu chuẩn ứng cử viên BKS

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch công ty; Kế toán trưởng.

- Các tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

5.2. Tiêu chuẩn ứng cử viên HĐQT

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập

- Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Mục 5.2;
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

6. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, thành viên HĐQT

Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, thành viên HĐQT bao gồm các tài liệu sau:

- 6.1. Đơn đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào BKS (theo mẫu) và/hoặc Đơn đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào HĐQT (theo mẫu);
- 6.2. Bản sơ yếu lý lịch ứng viên: do ứng viên tự khai, có dán ảnh chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất;
- 6.3. Bản sao có công chứng Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- 6.4. Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận ĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử;
- 6.5. Đối với trường hợp người tham gia đề cử là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải nộp kèm theo Giấy ủy quyền (có chữ ký của cổ đông và xác nhận của UBND phường, xã hoặc tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp cổ đông ủy quyền là cá nhân; có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận trong trường hợp cổ đông ủy quyền là tổ chức), trong đó có các nội dung ủy quyền bao gồm: ủy quyền/cho phép sử dụng số cổ phần được ủy quyền để tham gia đề cử, gộp cổ phần với các cổ đông khác để tham gia đề cử các ứng viên bầu vào BKS và/hoặc HĐQT;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, VN

6.6. Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu tính đến **ngày 05/04/2021** – tức ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

6.7. Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quy chế này có yêu cầu đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào BKS, HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba vui lòng gửi bản gốc Hồ sơ đề cử, ứng cử đến Công ty **chậm nhất 16h00 ngày 18/04/2021** theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hồ sơ cần ghi rõ: “**Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS**” và/hoặc “**Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**”.

Lưu ý: Chỉ các Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, HĐQT đáp ứng đủ điều kiện mới được xem là hợp lệ. Tổ chức, cá nhân đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào BKS, HĐQT; các ứng viên BKS, HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác về nội dung Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, HĐQT.

7. Danh sách ứng cử viên BKS, HĐQT

7.1. Danh sách ứng cử viên BKS, HĐQT được lập trên cơ sở đề cử của các cổ đông hoặc ứng cử của các cổ đông là cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ Công ty. HĐQT đương nhiệm của Công ty có trách nhiệm nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử, được đề cử, công bố bản thông tin cá nhân của các ứng cử viên và kiểm tra lại danh sách trước khi tiến hành bầu cử.

7.2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS, HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì: BKS đương nhiệm đề cử bổ sung ứng cử viên BKS, HĐQT đương nhiệm đề cử bổ sung ứng cử viên HĐQT. Việc BKS, HĐQT đương nhiệm tương ứng giới thiệu ứng cử viên BKS, ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

8. Phiếu bầu cử

Việc bầu cử tại Đại hội được tiến hành thông qua phương thức thu Phiếu bầu cử. Một số thuật ngữ được sử dụng trong Phiếu bầu cử được hiểu và giải thích như sau:

- “**Đại biểu**”: được hiểu là cổ đông/người đại diện của cổ đông;
- “**Tổng số lượng cổ phần đại diện**”: được hiểu là số cổ phần có quyền biểu quyết bao gồm số lượng cổ phần do Đại biểu sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền từ một hoặc nhiều Đại biểu khác;
- “**Tổng số lượng phiếu bầu**”: được hiểu là Tổng số lượng cổ phần đại diện nhân (x) với số lượng thành viên BKS hoặc thành viên HĐQT được bầu.

8.1. Khi được phát Phiếu bầu cử, cổ đông/người đại diện của cổ đông phải kiểm tra lại toàn bộ thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

- 8.2. Phiếu bầu cử thành viên BKS do Công ty phát hành, có đóng dấu treo đỏ của Công ty, ghi tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã Đại biểu, Tổng số lượng cổ phần đại diện, Tổng số lượng phiếu bầu thành viên BKS, danh sách các ứng cử viên BKS.
- 8.3. Phiếu bầu cử thành viên HĐQT do Công ty phát hành, có đóng dấu treo đỏ của Công ty, ghi tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã Đại biểu, Tổng số lượng cổ phần đại diện, Tổng số lượng phiếu bầu thành viên HĐQT, danh sách các ứng cử viên HĐQT.

9. Cách thức ghi Phiếu bầu cử

- 9.1. Mỗi Phiếu bầu cử BKS, mỗi Phiếu bầu cử HĐQT được bầu tối đa số lượng thành viên như quy định tại Khoản 3.2 Điều 2 Quy chế này.
- 9.2. Trong mỗi Phiếu bầu cử thành viên BKS/Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, có hai cột gồm: cột “**Bầu dồn đều phiếu**” và cột “**Số phiếu bầu**”. Đại biểu thực hiện việc bầu cử theo hướng dẫn như sau:

- Trường hợp 1: Nếu Đại biểu chỉ bầu cho 01 (một) ứng cử viên duy nhất

Đại biểu **KHÔNG** đánh dấu vào ô vuông tại cột “Bầu dồn đều phiếu” của ứng cử viên đó mà **CHỈ** ghi số lượng phiếu bầu cụ thể (bằng số) tại cột “Số phiếu bầu” của ứng cử viên đó.

- Trường hợp 2: Nếu Đại biểu bầu cho từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên, Đại biểu lựa chọn áp dụng **CHỈ MỘT TRONG HAI** cách thức bầu cử là:

- Đánh dấu (x) hoặc (v) vào ô vuông tại cột “Bầu dồn đều phiếu” nếu Đại biểu muốn chia đều số phiếu bầu của mình cho các ứng cử viên muốn bầu.

Số ứng cử viên được đánh dấu chọn vào ô vuông tại cột “Bầu dồn đều phiếu” không được vượt quá số lượng thành viên được bầu như quy định tại Khoản 3.2 Điều 2 Quy chế này.

- **HOẶC** Ghi số lượng phiếu bầu cụ thể (bằng số) vào cột “Số phiếu bầu” tương ứng của các ứng cử viên muốn bầu bao gồm cả trường hợp Đại biểu chia đều số phiếu bầu của mình cho các ứng cử viên đó.

Tổng số phiếu bầu mà Đại biểu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá Tổng số lượng phiếu bầu của Đại biểu đó (đã được Công ty in trên Phiếu bầu cử).

- Trường hợp 3: Nếu Đại biểu không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào

Đại biểu để trống, **KHÔNG ĐÁNH DẤU, GHI** bất kỳ ký hiệu nào vào cả hai cột “Bầu dồn đều phiếu” và cột “Số phiếu bầu” của tất cả các ứng cử viên.

- 9.3. Cổ đông/người đại diện của cổ đông phải ký, ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu cử.

10. Cách thức bầu cử

- 10.1. Việc bỏ các Phiếu bầu cử được thực hiện theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Ban Kiểm phiếu.
- 10.2. Trường hợp cổ đông/người đại diện của cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu bầu cử thành viên BKS, Phiếu bầu cử thành viên HĐQT do bị rách, nát, ghi sai (“**Phiếu bầu cử hỏng**”), nếu chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Ban Kiểm phiếu trả

lại Phiếu bầu cử hỏng để đổi lấy Phiếu bầu cử thành viên BKS, Phiếu bầu cử thành viên HĐQT mới nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu bầu cử hỏng gửi lại Chủ tọa Đại hội.

11. Phiếu bầu hợp lệ và Phiếu bầu không hợp lệ

11.1. Phiếu bầu hợp lệ

Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

- Phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn của Công ty, có dấu treo đỏ của Công ty do Ban Kiểm phiếu phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu cử; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự;
- Phiếu bầu cử được ghi theo đúng cách thức quy định tại Khoản 9 Điều 2 Quy chế này;
- Số lượng ứng cử viên được chọn không vượt quá số lượng thành viên được bầu như quy định tại Khoản 3.2 Điều 2 Quy chế này;
- Tổng số phiếu bầu mà Đại biểu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá Tổng số lượng phiếu bầu của Đại biểu đó (đã được Công ty in trên Phiếu bầu cử);
- Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 11.2 Điều 2 Quy chế này.

11.2. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu cử không theo mẫu Công ty quy định hoặc không có dấu treo đỏ của Công ty;
- Phiếu bầu cử không được ghi theo đúng cách thức quy định tại Khoản 9.2 Điều 2 Quy chế này;
- Số lượng ứng cử viên được chọn vượt quá số lượng thành viên được bầu như quy định tại Khoản 3.2 Điều 2 Quy chế này;
- Tổng số phiếu bầu mà Đại biểu bầu cho các ứng cử viên vượt quá Tổng số lượng phiếu bầu của Đại biểu đó (đã được Công ty in trên Phiếu bầu cử);
- Phiếu bầu cử ghi thêm tên ngoài danh sách ứng cử viên bầu cử hoặc tẩy/gạch/xóa, viết thêm các thông tin khác;
- Phiếu bầu cử ghi bằng bút chì, bút mực đỏ;
- Phiếu bầu cử gạch tên ứng cử viên;
- Phiếu bầu cử ghi bằng % (phần trăm);
- Phiếu bầu cử không được cổ đông/đại diện của cổ đông ký và ghi rõ họ tên;
- Nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc.

- 12.** Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và toàn thể Đại hội. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu phải thống kê số liệu kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên Phiếu bầu cử.

- 13.** Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông. Biên bản và toàn bộ Phiếu bầu cử phải được niêm phong và giao lại cho Chủ toạ phiên họp.
- 14. Cách xác định người trúng cử**
- 14.1.** Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu như quy định tại Khoản 3.2 Điều 2 Quy chế này. Trong đó, các ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định của Điều lệ Công ty, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp.
- 14.2.** Trường hợp có từ 02 người trở lên cùng đạt số phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng được bầu của BKS, HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với riêng những người đó. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.
- 15.** Nếu xét thấy có những hành vi gian dối hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi cổ đông/đại diện cổ đông đều có quyền chất vấn. Chủ toạ Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông trước khi tiến hành thực hiện. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ ít nhất từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thì Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành ngay.

Trên đây là toàn bộ Quy chế bầu cử thành viên BKS, thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

THÔNG BÁO

**V/V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
ĐẦU TƯ VI NA TA BA
(Sau đây gọi tắt là “Thông báo”)**

Kính gửi Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Điều lệ Công ty**”);
- Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty trân trọng thông báo về việc đề cử, ứng cử ứng viên bầu vào HĐQT và Ban kiểm soát (“**BKS**”) Công ty, như sau:

I. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên BKS, HĐQT và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS, HĐQT

1. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên BKS, HĐQT

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tính đến ngày **05/04/2021** – tức ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cụ thể: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu:

- ✓ Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 01 thành viên;
- ✓ Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 thành viên;

- ✓ Từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử, ứng cử tối đa 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS, thành viên HĐQT

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch công ty; Kế toán trưởng.
- Các tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập

- Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Mục 2.2 Phần I Thông báo này; và
- Các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

II. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, thành viên HĐQT

1. Đơn đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào BKS (theo mẫu) và/hoặc Đơn đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào HĐQT (theo mẫu);

2. Bản sơ yếu lý lịch ứng viên: do ứng viên tự khai, có dán ảnh chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất;
3. Bản sao có công chứng Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
4. Bản sao có công chứng Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử;
5. Đối với trường hợp người tham gia đề cử là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải nộp kèm theo Giấy ủy quyền (có chữ ký của cổ đông và xác nhận của UBND phường, xã hoặc tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp cổ đông ủy quyền là cá nhân; có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận trong trường hợp cổ đông ủy quyền là tổ chức), trong đó có các nội dung ủy quyền bao gồm: ủy quyền/cho phép sử dụng số cổ phần được ủy quyền để tham gia đề cử, gộp cổ phần với các cổ đông khác để tham gia đề cử các ứng viên bầu vào BKS và/hoặc HĐQT;
6. Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu tính đến **ngày 05/04/2021** – tức ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;
7. Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện nêu trên có yêu cầu đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào BKS, HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba vui lòng gửi bản gốc Hồ sơ đề cử, ứng cử đến Công ty **chậm nhất 16h00, ngày 18/04/2020** theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hồ sơ cần ghi rõ: “**Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS**” và/hoặc “**Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**”.

Lưu ý: Chỉ các Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện mới được xem là hợp lệ. Tổ chức, cá nhân đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào BKS, HĐQT; các ứng viên BKS, HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của nội dung Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS, HĐQT.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ CHÍ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

Họ và tên cổ đông:

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Tôi là cổ đông nắm giữ: cổ phần (*Bằng chữ: cổ phần*)

tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**") tại ngày **05/04/2021** chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Thông báo về việc đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị ("**HDQT**") Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc ứng cử làm ứng viên bầu vào HDQT Công ty, tôi xin được tự ứng cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty bầu vào HDQT Công ty.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch: do ứng viên tự khai, có dán ảnh chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất;
- Bản sao có công chứng Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu tính tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày **05/04/2021**), như: xác nhận có đóng dấu đỏ của công ty chứng khoán hoặc xác nhận có đóng dấu đỏ của ngân hàng lưu ký;
- Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Tôi cam kết:

1. Tôi đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Tôi đảm bảo duy trì đủ tỷ lệ nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (**ngày 05/04/2021**) theo đúng quy định nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của quyền ứng cử làm thành viên HĐQT nêu trên.
3. Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT Công ty.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ: _____ cổ phần.

(*Bằng chữ:* _____ *cổ phần*), tương đương với _____ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Công ty**”) tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021), bao gồm:

Stt	Tên người đề cử	Số ĐKDN/CMND/ CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần đại diện sở hữu
1.	Tổ chức: ...				
2.	Cá nhân: ...				
3.	Nhóm cổ đông: ...				
	TỔNG CỘNG				

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Thông báo về việc đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử các ứng viên bầu vào HDQT Công ty, tôi/chúng tôi xin đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty bầu vào HDQT Công ty:

1. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
2. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
3. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của ứng viên tự khai, (có dán ảnh chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất);
- Bản sao có công chứng Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận ĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử;
- Giấy ủy quyền (đối với trường hợp người tham gia đề cử là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) (có chữ ký của cổ đông và xác nhận của UBND phường, xã hoặc tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp cổ đông ủy quyền là cá nhân; có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận trong trường hợp cổ đông ủy quyền là tổ chức), trong đó có các nội dung ủy quyền bao gồm: ủy quyền/cho phép sử dụng số cổ phần được ủy quyền để tham gia đề cử, gộp cổ phần với các cổ đông khác để tham gia đề cử các ứng viên bầu vào HĐQT Công ty;
- Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021) đủ điều kiện, các tài liệu chứng minh có thể là: xác nhận có đóng dấu đỏ của công ty chứng khoán hoặc xác nhận có đóng dấu đỏ của ngân hàng lưu ký;
- Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Tôi/chúng tôi cam kết:

1. (Các) ứng viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Tôi/chúng tôi đảm bảo duy trì đủ tỷ lệ nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (**ngày 05/04/2021**) nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của quyền đề cử ứng viên thành viên HĐQT nêu trên.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐỀ CỬ

TT	Họ và tên cá nhân, tên tổ chức	Chữ ký (đối với cá nhân), ký xác nhận bởi người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu có) (đối với tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

Họ và tên cổ đông:

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Tôi là cổ đông nắm giữ: cổ phần (*Bằng chữ: cổ phần*) tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**") tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021).

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Thông báo về việc đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào Ban kiểm soát Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc ứng cử làm ứng viên bầu vào Ban kiểm soát Công ty, tôi xin được tự ứng cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty bầu vào Ban Kiểm soát Công ty.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch: do ứng viên tự khai, có dán ảnh chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất;
- Bản sao có công chứng Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021) đủ điều kiện, như: xác nhận có đóng dấu đỏ của công ty chứng khoán hoặc xác nhận có đóng dấu đỏ của ngân hàng lưu ký;
- Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Tôi cam kết:

1. Tôi đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Tôi đảm bảo duy trì đủ tỷ lệ nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021) nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của quyền ứng cử làm thành viên Ban kiểm soát nêu trên.
3. Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

**Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba**

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ: _____ cổ phần.

(*Bằng chữ:* _____ *cổ phần*), tương đương với _____ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Công ty**”) tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021), bao gồm:

Stt	Tên người đề cử	Số ĐKDN/CMND/ CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần đại diện sở hữu
1.	Tổ chức: ...				
2.	Cá nhân: ...				
3.	Nhóm cổ đông: ...				
	TỔNG CỘNG				

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Thông báo về việc đề cử, ứng cử các ứng viên bầu vào Ban Kiểm soát (“**BKS**”) Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử các ứng viên bầu vào BKS Công ty, tôi/chúng tôi xin đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty bầu vào BKS Công ty:

1. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
2. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
3. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của ứng viên tự khai, (có dán ảnh chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất);
- Bản sao có công chứng Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận ĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử;
- Giấy ủy quyền (đối với trường hợp người tham gia đề cử là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) (có chữ ký của cổ đông và xác nhận của UBND phường, xã hoặc tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp cổ đông ủy quyền là cá nhân; có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận trong trường hợp cổ đông ủy quyền là tổ chức), trong đó có các nội dung ủy quyền bao gồm: ủy quyền/cho phép sử dụng số cổ phần được ủy quyền để tham gia đề cử, gộp cổ phần với các cổ đông khác để tham gia đề cử các ứng viên bầu vào Ban Kiểm soát Công ty;
- Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021) đủ điều kiện, như: xác nhận có đóng dấu đỏ của công ty chứng khoán hoặc xác nhận có đóng dấu đỏ của ngân hàng lưu ký;
- Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Tôi/chúng tôi cam kết:

1. (Các) ứng viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Tôi/chúng tôi đảm bảo duy trì đủ tỷ lệ nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ngày 05/04/2021) nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của quyền đề cử ứng viên thành viên Ban Kiểm soát nêu trên.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐỀ CỬ

TT	Họ và tên cá nhân, tên tổ chức	Chữ ký (đối với cá nhân), ký xác nhận bởi người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu có) (đối với tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại:
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ học vấn:
12. Trình độ chuyên môn:
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt năm công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
14. Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba:
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
16. Số cổ phần nắm giữ và đại diện: cổ phần, chiếm tỷ lệ% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (cho Công ty....) sở hữu:.....cổ phần.
+ Cá nhân sở hữu:cổ phần
17. Các cam kết nắm giữ (nếu có):
18. Danh sách người có liên quan của người khai:

Ảnh 4x6cm

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty (nếu có)	Mối quan hệ

19. Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):

20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm 2021

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên Cổ đông/ người được ủy quyền:

Mã cổ đông:

SL cổ phiếu có quyền biểu quyết:

Để thực hiện quyền biểu quyết, Quý Cổ đông vui lòng đánh dấu chọn (dấu X hoặc V) vào một trong ba ô chọn của từng nội dung dưới đây:

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	ĐỒNG Ý	KHÔNG ĐỒNG Ý	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
Tờ trình số 01: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020			
Tờ trình số 02: Kế hoạch kinh doanh năm 2021			
Tờ trình số 03: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021			
Tờ trình số 04: Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021			
Tờ trình số 05: Điều lệ mới của Công ty			
Tờ trình số 06: Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty			
Tờ trình số 07: Quy chế hoạt động của HĐQT			
Tờ trình số 08: Quy chế hoạt động của BKS			
Tờ trình số 09: Miễn nhiệm thành viên BKS			
Tờ trình số 10: Đề nghị bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023			
Tờ trình số 11: Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2021- 2025			

Cổ đông/ Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tên Cổ đông/ người được ủy quyền:

Mã cổ đông:

Tổng số lượng cổ phần đại diện cổ phần

(Sở hữu + Nhận ủy quyền)

Tổng số lượng phiếu bầu phiếu bầu

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn A	<input type="checkbox"/>	
2	Nguyễn Văn B	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn C	<input type="checkbox"/>	

Cổ đông/ Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên Cổ đông/ người được ủy quyền:

Mã cổ đông:

Tổng số lượng cổ phần đại diện cổ phần

(Sở hữu + Nhận ủy quyền)

Tổng số lượng phiếu bầu phiếu bầu

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn D	<input type="checkbox"/>	
2	Nguyễn Văn E	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn F	<input type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn G	<input type="checkbox"/>	

Cổ đông/ Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG

VTJ01

TÊN CỔ ĐÔNG DỰ HỌP : NGUYỄN VĂN A

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0
- Số lượng cổ phần nhận ủy quyền : 100.000
- Số lượng cổ phần đã ủy quyền : 0

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

10.000

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020**

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Công ty**”) xin báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của HDQT năm 2020 với các nội dung như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị trong năm 2020 gồm có các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Chí Long	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm Chủ tịch ngày 28/05/2020 Miễn nhiệm TV HDQT ngày 28/05/2020
2	Ông Đỗ Anh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/08/2019
3	Ông Lê Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
4	Ông Hoàng Đăng Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/05/2020

Thù lao HDQT, BKS chi trả trong năm 2020 căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 27/05/2020, cụ thể như sau:

- Thù lao HDQT : 168.000.000 đồng/ năm
Đã chi trả : 168.000.000 đồng/ năm
- Thù lao BKS : 42.000.000 đồng/ năm
Đã chi trả : 42.000.000 đồng/ năm

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2020, HDQT và từng thành viên của HDQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Hoạt động của HDQT trong năm 2020 trọng tâm vào các nội dung sau:
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông;

- Thông qua các tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; thông qua các vấn đề lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản năm 2020; thông qua các tờ trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2020;
 - Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020;
 - Giám sát hoạt động đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết; tình hình hợp nhất Báo cáo tài chính của công ty theo các quý, bán niên, năm;
 - Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro,
 - Phê duyệt các giao dịch, nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành 17 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 19 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020:

Sau quá trình tái cấu trúc thời điểm năm 2019, hiện tại tập trung tìm kiếm thị trường, đổi mới cho các chiến lược kinh doanh mới. Trong năm 2020, kết quả kinh doanh của Công ty ghi nhận như sau:

- **Công ty mẹ:** Trong năm 2020, Công ty không còn doanh thu từ hoạt động kinh doanh thuốc lá, doanh thu thuần năm này đạt hơn 5 tỷ đồng, tăng 26% so với doanh thu năm 2019 (hơn 4 tỷ đồng) là do công ty có hoạt động kinh doanh Bất động sản đầu tư tại các căn hộ chung cư Tây Nguyên Plaza, Cần Thơ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lỗ 21,1 tỷ đồng do Công ty trích lập các khoản dự phòng đầu tư tại các công ty con, công ty liên doanh liên kết.
- **Hợp nhất:** Tương tự như báo cáo riêng, báo cáo hợp nhất cũng chịu ảnh hưởng tương ứng đối với khoản lỗ do các công ty con, công ty liên kết đem lại, do đó lợi nhuận sau thuế cả năm là - 24,8 tỷ đồng, giảm 289% so với kết quả năm 2019.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

- HĐQT công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt

- HĐQT đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý

Kết quả: HĐQT đã có sự nỗ lực lớn trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2020, hoàn toàn có thể để tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó.

3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2020 là một năm khó khăn và tràn đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, bởi vậy, HĐQT đánh giá Công ty năm 2021 cần có những định hướng và bước đi thận trọng trong việc đầu tư, Công ty dự kiến sẽ nỗ lực tập trung bảo toàn nguồn vốn và tiết kiệm chi phí hoạt động, chờ cơ hội đầu tư hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Công ty**”) xin báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của HDQT năm 2020 với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba năm 2020, gồm 02 thành viên:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Văn Chiến	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên Ban kiểm soát

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các lĩnh vực trọng yếu bao gồm: kiểm soát hoạt động và kiểm soát tài chính.

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ để thảo luận Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của Công ty đồng thời triển khai kế hoạch hoạt động quý tiếp theo.

Về thù lao Ban Kiểm soát: Trong năm 2020, tổng thù lao đã chi cho Ban kiểm soát là 42 triệu đồng, đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua. Các hoạt động khác của Ban kiểm soát thường được gắn cùng với các hoạt động sản xuất kinh doanh chung nên không có phát sinh chi phí riêng cho Ban kiểm soát.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Ban Kiểm soát và từng thành viên của Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, giám sát theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty:

1. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020. Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.

- Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam, đây là công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế, quy định khác về quản lý tài chính của Công ty và Nhà nước.

Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 như sau:

Về kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần	: 5.087 triệu đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế	: (20.154) triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế	: (24.870) triệu đồng

Về tài sản của Công ty:

Tài sản ngắn hạn	: 50.867 triệu đồng
Tài sản dài hạn	: 49.695 triệu đồng
Tổng tài sản	: 100.563 triệu đồng
Tổng nợ (ngắn hạn & dài hạn)	: 7.509 triệu đồng

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm 2020, công tác chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính của công ty được thực hiện tốt, cụ thể như: kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, chú trọng công tác kế toán quản trị. Ban Giám đốc Công ty định kỳ thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong các phiên họp Hội đồng quản trị. Ngoài ra, việc rà soát và hoàn thiện, thực hiện các quy trình, quy chế liên tục được thực hiện.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị CTCP Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty duy trì họp thường kỳ và đột xuất thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy định nội bộ của Công ty. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đều bám sát tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, trên cơ sở các Nghị quyết HĐQT và Hội đồng quản trị và căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Năm 2020, Ban kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

5. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

- Năm 2020, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng các phòng ban trong Công ty nhằm hoàn thành các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ trong thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo quản trị tại các đơn vị thành viên của Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ các chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Đánh giá sự phối hợp trong công tác điều hành giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát;
- Nghiên cứu, cải thiện hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát, trong đó chú trọng công tác quản trị rủi ro, tập trung kiểm soát và phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn giúp Công ty kịp thời nghiên cứu, thực thi các biện pháp phòng ngừa;
- Hiện nay, tài sản của Công ty chủ yếu là đầu tư tài chính, do đó Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT có chính sách đầu tư hợp lý, trên tinh thần bảo toàn vốn đồng thời mang lại khả năng sinh lời cho nguồn vốn hiện có để gia tăng quyền lợi cho cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2020,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(Đã ký)

ĐỖ VĂN CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**Địa chỉ:** SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam*Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021***TỜ TRÌNH SỐ 01****V/v: THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020****Kính thưa Đại hội,**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (bao gồm Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất) của Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư Vi Na Ta Ba đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty **<http://www.vinainvest.com.vn>**, bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ
và Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2020**

ĐVT: triệu đồng

STT	BCTC Công ty mẹ	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% tăng/(giảm)
1	Doanh thu thuần	5.087	4.023	26%
2	Lợi nhuận trước thuế	(20.942)	11.219	(287%)
3	Lợi nhuận sau thuế	(21.106)	11.219	(288%)

STT	BCTC Hợp nhất	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% tăng/(giảm)
1	Doanh thu thuần	5.087	4.023	26%
2	Lợi nhuận trước thuế	(20.154)	13.567	(249%)
3	Lợi nhuận sau thuế	(24.870)	13.137	(289%)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH***(Đã ký)***LÊ CHÍ LONG**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 03

V/v: LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Kính thưa Đại hội,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn danh sách các Công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT chọn một trong các công ty trong danh sách dưới đây hoặc một công ty kiểm toán khác được cấp phép đang hoạt động tại Việt Nam phù hợp để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2021.

Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO;
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
4. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
5. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
6. Công ty TNHH PWC Việt Nam;
7. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

Và các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với cán bộ quản lý của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 05

V/v: ĐIỀU LỆ MỚI CỦA CÔNG TY

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ theo:

- Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**").

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Điều lệ mới của Công ty điều chỉnh theo Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng được quy định tại Phụ lục I - Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc: "Hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán".

(Công ty đề nghị cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết của Bản Điều lệ mới theo Phụ lục số 01 đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 06

V/v: QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ theo:

- Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**").

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty tham chiếu theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng được quy định tại Phụ lục II- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc: "Hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán".

(Công ty đề nghị cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết của Bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Phụ lục số 02 đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 07

V/v: QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ theo:

- Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**").

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty tham chiếu theo mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng được quy định tại Phụ lục III- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc: "Hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán".

(Công ty đề nghị cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết của Bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty theo Phụ lục số 03 đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 08

V/v: QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ theo:

- Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**").

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty tham chiếu theo mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát áp dụng đối với Công ty đại chúng được quy định tại Phụ lục IV- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc: "Hướng dẫn Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán".

(Công ty đề nghị cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết của Bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty theo Phụ lục số 04 đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: SN 24, Ngách 1, Ngõ 46, Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỐ 09

V/v: MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ theo:

- Luật Doanh Nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba ("**Công ty**");
- Đơn từ nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba của Ông Đỗ Văn Chiến.

Trên cơ sở Đơn từ nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát của Ông Đỗ Văn Chiến phù hợp với quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt việc miễn nhiệm tư cách Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba của Ông Đỗ Văn Chiến.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

LÊ CHÍ LONG

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“**Công ty**”);
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty ngày ;

Ngày tháng năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**ĐHĐCĐ**”) của Công ty được tổ chức tại: Phòng Thăng Long - Tầng 19, Khách sạn SUPER HOTEL Candle tại 287-301 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

ĐHĐCĐ phê chuẩn báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2020 đã được trình bày trong tài liệu của Đại hội.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

ĐHĐCĐ phê chuẩn báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 đã được trình bày trong tài liệu của Đại hội.

3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

ĐHĐCĐ phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam và đã được công bố thông tin trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.vinainvest.com.vn/>

4. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

ĐHĐCĐ phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần		
2	Lợi nhuận trước thuế		
3	Lợi nhuận sau thuế		

5. LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 là một trong các công ty trong danh sách dưới đây hoặc một công ty kiểm toán khác được cấp phép đang hoạt động tại Việt Nam.

Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO;
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
4. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
5. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
6. Công ty TNHH PWC Việt Nam;
7. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

Và các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với cán bộ quản lý của Công ty.

6. KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT VÀ BKS NĂM 2021

ĐHĐCĐ phê chuẩn thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2021 như sau:

7. KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT VÀ BKS NĂM 2021

ĐHĐCĐ thông qua Bản Điều lệ mới của Công ty đã được trình bày trong tài liệu của Đại hội và đã được đăng tải trên website của Công ty.

8. QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐHĐCĐ thông qua Bản Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty đã được trình bày trong tài liệu của Đại hội và đã được đăng tải trên website của Công ty. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành tài liệu này.

9. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

ĐHĐCĐ thông qua Bản Quy chế hoạt động của HĐQT đã được trình bày trong tài liệu của Đại hội và đã được đăng tải trên website của Công ty. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành tài liệu này.

10. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

ĐHĐCĐ thông qua Bản Quy chế hoạt động của BKS đã được trình bày trong tài liệu của Đại hội và đã được đăng tải trên website của Công ty. Ủy quyền cho Trưởng BKS ký ban hành tài liệu này.

11. THÔNG QUA MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BKS

ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm tư cách Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba của Ông Đỗ Văn Chiến kể từ ngày 28/04/2021.

12. KẾT QUẢ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2019 – 2023

ĐHĐCĐ phê chuẩn bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2023, gồm:

Ông/Bà :
Số CMND :

13. KẾT QUẢ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ MỚI 2021 – 2025

ĐHĐCĐ phê chuẩn danh sách 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2021 – 2025, gồm:

Ông/Bà :
Số CMND :

Ông/Bà :
Số CMND :

Ông/Bà :
Số CMND :

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỌA

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VÌ NA TA BA

Tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

Tháng 4 năm 2021	0
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	5
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	7
Điều 7. Cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của Cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 34. Người điều hành Công ty	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	33
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	33

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	34
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Cuộc họp Ban kiểm soát	36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	36
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	39
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	40
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	40
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 48. Năm tài chính	41
Điều 49. Chế độ kế toán.....	41
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	41
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	41
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	42
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
Điều 52. Kiểm toán	42
CHƯƠNG XVII. CON DẤU CỦA CÔNG TY.....	42
Điều 53. Dấu của Công ty	42
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	42
Điều 54. Giải thẻ Công ty	43
Điều 55. Thanh lý.....	43
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 57. Điều lệ Công ty	44
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 58. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - b. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - c. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d. "**Luật Đầu tư**" là Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - f. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - g. "**Người đại diện theo pháp luật**" là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - h. "**Người điều hành**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tại từng thời điểm;
 - i. "**Người quản lý**" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm tại từng thời điểm;
 - j. "**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**" là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

k. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành theo quy định của Điều lệ Công ty;

l. **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba;

m. **“Việt Nam”** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

n. **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;

o. **“VSD”** là Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

VI NA TA BA TRADING & INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0825528745

- E-mail: vinainvest.info@gmail.com

- Website: <http://www.vinainvest.com.vn/>

- Mã chứng khoán: VTJ

4. Công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định thay đổi về sau.

2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác, thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật cho đến khi Người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị của Công ty quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật.

3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc có ủy quyền cho người khác nhưng đã hết thời hạn ủy quyền trên 30 ngày hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ thì Hội đồng quản trị của Công ty cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, thuốc lá điều sản xuất trong nước và nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị ngành thuốc lá;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);

- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, tàu hỏa;
 - Đại lý kinh doanh xăng dầu;
 - San lấp mặt bằng;
 - Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
 - Mua bán giấy, vật tư ngành in, phụ tùng, máy móc ngành thuốc lá;
 - In ấn;
 - Sản xuất đầu lọc thuốc lá;
 - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
 - Bán buôn đồ uống không có cồn;
 - Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào;
 - Bán buôn nguyên liệu thuốc lá lá;
 - Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Đại lý du lịch;
 - Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bổ sung: Bán buôn nguyên liệu thuốc lá lá (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn nguyên liệu chè (trà)
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
 - Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ
 - Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
 - Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
 - Xuất Nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
 - Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh mới hoặc thay đổi mục tiêu, ngành nghề kinh doanh, trên cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan để mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- a. Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông, người lao động.
- b. Tăng tích lũy để phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng Công ty từng bước ổn định và phát triển lớn mạnh về mọi mặt.
- c. Hoạt động kinh doanh: Bảo toàn và phát triển vốn. Từng bước mở rộng và phát triển vĩ mô trong kinh doanh thương mại. Đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh.
- d. Góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này và đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 115.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ đồng).

Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần Cổ

đồng không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông và người khác với điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
- b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên (ESOP) đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và/hoặc các trường hợp phát hành riêng lẻ khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp phát hành khác được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty, hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu mới theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác;

- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu nếu được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thì được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;

- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Cụ thể
- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 01 thành viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 thành viên;
 - Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 03 thành viên.

- Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 04 thành viên.
- Từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử, ứng cử tối đa 05 thành viên.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ của Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định, gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công Ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch của Công ty theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - n. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;
 - o. Chấp thuận các giao dịch quy định của pháp luật về chứng khoán;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định của pháp luật về chứng khoán;
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành (trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được tiến hành khi có Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông tiến hành thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hành để họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình

thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, cụ thể gồm:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Công ty phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào phát cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng Vốn điều lệ;
- d. Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
- e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- f. Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- i. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- k. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

l. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

m. Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

Trường hợp thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên

đời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nét tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố, thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này sẽ thực hiện ứng cử, đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Người quản lý do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự

các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị .

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập

và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất hai (02) người điều hành khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác theo Điều lệ này (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện tình hình của Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng thêm nhân sự với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định để trở thành Người điều hành doanh nghiệp.

Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc vì lợi ích Công ty để đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này sẽ thực hiện ứng cử, đề cử vào thành viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty từ một (01) đến ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 40. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý và Người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều Lệ với chính đối tượng đó hoặc với Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông Cổ đông đó và Người có liên quan của họ;
- ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
- iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Người quản lý của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết;

c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- i) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này.
- ii) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ

đồng sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.

d. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;

e. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này, người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

f. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý và Người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành đã được công bố cho các Cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp do đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản,

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc VSD.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những

người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính năm, phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài chính hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán hàng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một (01) công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên các điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dưới hình thức chữ ký số theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Người đại diện theo pháp luật

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (“Công ty”) bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

- Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.
- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 của Điều lệ.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Việc thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm những nội dung chính sau đây:

a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(i) Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

(ii) Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Bên cạnh việc tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát không đáp ứng quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm c và Điểm d, Khoản 3, Điều 14 Điều lệ Công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Công ty chuẩn bị một danh sách các Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi Thông báo/Thư mời/Thư triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ Đông.

c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn) tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.

- Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
- e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội phải được gửi cho các Cổ Đông (gửi kèm theo Thư triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) hoặc/và đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp đăng tải lên website của Công Ty, Thư triệu tập phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.
 - Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ có thể đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông và phải gửi văn bản đề xuất cùng các tài liệu chứng minh về số lượng và thời gian nắm giữ cổ phiếu, biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông (nếu có). Đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty trước ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông
- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người Được Ủy Quyền Dự Hợp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp/tham dự cuộc họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc Đại hội.
- g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông
- Cổ đông, Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có thể đăng ký tham dự qua thư điện tử, fax hoặc điện thoại, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thư triệu tập, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.
- h. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được đề cập theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ.
- i. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đề cập theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ.
- j. Cách thức bỏ phiếu
- Trừ khi có quy định khác, khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Hợp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó.

- Nội dung của Thẻ biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hình thức và nội dung của Phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế biểu quyết bầu cử.
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- Thông thường, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp bỏ các thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
- Cổ Đông có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi thẻ biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử (gọi chung là “**Bỏ phiếu từ xa**”) có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

k. Cách thức kiểm phiếu

- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. BTC sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.
- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.
- Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các thẻ biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.
- Công ty áp dụng hoàn toàn việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch nhận dạng để phòng tránh sai sót.
- Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

l. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

- Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua được đề cập theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

m. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu
- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

n. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp)

- Trong trường hợp Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì việc phản đối này phải được thực hiện bằng hình thức văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, mã số dự đại hội cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối.

- Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận.
- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

o. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Chữ ký của chủ tọa và thư ký;

Trong trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định nêu trên. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội

dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày công bố biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

p. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Việc thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản

- Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp đều có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 của Điều lệ sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: chủ tịch Hội đồng quản trị và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là trưởng Ban kiểm phiếu.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp với trực tiếp

- Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp với trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.
- Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp với trực tiếp hoặc các hình thức tương đương khác; Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất hai mươi mốt (21) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:
 - + Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - + Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Điều kiện tiến hành;
 - + Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- + Cách thức bỏ phiếu;
- + Cách thức kiểm phiếu;
- + Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- + Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- + Quy chế tổ chức Đại hội này có thể được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp với từng lần Đại hội theo quyết định của Hội đồng quản trị theo từng thời điểm.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;
 - + Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.
- Quyền và nghĩa vụ khác của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 của Điều lệ.
- Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Chương X của Điều lệ.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, tương đương với ít nhất 2/5 thành viên Hội đồng quản trị.
- Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Như được quy định tại Điều 25 của Điều lệ. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

- + Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
- + Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
- + Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
- + Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm, và đối thủ cạnh tranh;
- + Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
- + Liêm chính và có tiêu chuẩn đạo đức cao;
- + Phán quyết chuẩn xác;
- + Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;
- + Kỹ năng giao tiếp tốt.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ sẽ thực hiện ứng cử, đề cử như sau:

- Hồ sơ cần thiết:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ học vấn;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - + Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan;
 - + Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty;
 - + Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể có ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Văn bản về việc từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty.
- Đối với nhóm cổ đông: danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; bằng chứng về việc nắm giữ cổ phiếu đủ; văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.
- Ứng viên Hội đồng quản trị sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế này.
- Cổ đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách *để nguyên* tên ứng viên được chọn và *gạch ngang* đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phép bầu.
- Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ.
- Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Miễn nhiệm:
 - + Việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được đề cập theo quy định tại các Khoản 4 Điều 26 của Điều lệ.
 - + Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không đủ tư cách theo quy định của Pháp luật hoặc không có đủ năng lực hành vi thì Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban khác do Hội đồng quản trị phân công tại từng thời điểm sẽ chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo và đề xuất, trình Hội đồng quản trị biểu quyết quyết định.
 - + Đối với trường hợp từ nhiệm, thì Tiểu ban Nhân sự hoặc một tiểu ban khác do Hội đồng quản trị phân công tại từng thời điểm sẽ thụ lý việc xem xét và trình Hội đồng quản trị quyết định. Việc Miễn nhiệm chỉ có hiệu lực khi có nghị quyết bằng văn bản của Hội đồng quản trị.
- Bãi nhiệm:
 - + Việc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được đề cập theo quy định tại các Khoản 4 Điều 26 của Điều lệ.
 - + Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập cuộc họp để ban hành nghị quyết.

f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến bầu, miễn bãi nhiệm, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp Luật Doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ đông, nhóm cổ đông sẽ ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện được đề cập tại Khoản 2 Điều này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho Tiểu ban Nhân sự hoặc một tiểu ban khác do Hội đồng quản trị phân công tại từng thời điểm.
- Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật tùy theo tính sẵn sàng của thông tin ứng viên.
- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử hoặc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế:
 - + Được Tiểu ban Nhân sự hoặc một tiểu ban khác do Hội đồng quản trị phân công tại từng thời điểm tìm kiếm lựa chọn theo quy trình;
 - + Được các cổ đông giới thiệu và thông qua quy trình đánh giá của Tiểu ban Nhân sự hoặc một tiểu ban khác do Hội đồng quản trị phân công tại từng thời điểm;
 - + Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ công bố quy trình giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị bầu một trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Thù lao Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sẽ được phân chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có thù lao thành viên cao hơn các thành viên khác.
 - + Thù lao của Trưởng tiểu ban và thành viên của tiểu ban có phạm vi và mức độ công việc nhiều sẽ có thù lao cao hơn.
 - + Một phần thù lao Hội đồng quản trị sẽ trang trải cho chi phí dự họp và kết quả đánh giá hoạt động năm.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

a. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - + Ban kiểm soát;

- + Tổng giám đốc hoặc ít nhất hai (02) Người điều hành khác;
 - + Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;
 - + Các trường hợp khác (nếu có).
 - Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- c. Thông báo họp Hội đồng quản trị
- Thông báo họp Hội đồng quản trị sẽ được Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký trước tại Công ty.
 - Thông báo họp Hội đồng quản trị sẽ bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp và được thể hiện bằng tiếng việt.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp hoặc 1 phần nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử đến Hội đồng quản trị.
- d. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát
- Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- e. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có tham dự trực tiếp hoặc một hình thức khác theo Khoản 9 Điều 30 Điều lệ.
 - Trừ khi có sự thỏa thuận khác, trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- f. Cách thức biểu quyết
- Ngoài quy định tại điểm d Khoản 9 Điều 30 của Điều lệ, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua bằng phương tiện khác phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện tình hình của Công ty. Phiếu biểu quyết chỉ được mở/trình trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
 - Trong các cuộc họp trực tiếp, qua điện thoại, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các tình trạng biểu quyết có thể là đồng ý, phản đối, không có ý kiến.
- g. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
- h. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 30 của Điều lệ.
- i. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị
 - Người Phụ Trách Quản Trị (Ban Thư ký) công ty sẽ thực hiện ghi biên bản diễn tiến cuộc họp Hội đồng quản trị một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Người Phụ Trách Quản Trị có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác cuộc nội dung, diễn tiến, kết quả cuộc họp.
 - Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký xác nhận tham dự của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 - Biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được lưu trữ với thời hạn 10 năm.
- j. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- k. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
 - Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các văn bản nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Các nghị quyết, quyết định này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty.
 - Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ.

6. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban sẽ được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty
 - Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty:
 - + Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán, ưu tiên người tốt nghiệp đại học luật (hệ chính quy tập trung) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
 - + Có trình độ học vấn đại học trở lên.
 - + Am hiểu hoạt động của Công ty.
 - + Trách nhiệm cao, giao tiếp tốt, cụ thể là kỹ năng thương thuyết và tạo nên sự đồng thuận.

- + Kỹ năng tổ chức, phân tích, cụ thể là phát hiện những tín hiệu từ xa và cảnh báo sớm cho Bộ máy quản lý, có trực giác tốt và nhạy cảm đối với những suy nghĩ và hành vi của Tổng giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị.
 - + Có tính tỉ mỉ, để ý đến chi tiết, linh hoạt và sáng tạo.
 - + Được đào tạo về quản trị.
 - + Là một người có uy tín cá nhân và trong sạch.
 - Các yêu cầu, điều kiện đối với Người phụ trách quản trị công ty:
 - + Tính độc lập: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.
 - + Người phụ trách quản trị công ty không được là một thành viên gia đình trực hệ của một thành viên Bộ máy quản lý.
 - + Người phụ trách quản trị công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.
 - Bỏn phận: Người phụ trách quản trị công ty có đầy đủ các bỏn phận như bỏn phận của Người quản lý.
- b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
- Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
 - Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký Công ty) là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.
 - Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong Công ty, số lượng cổ phiếu của Công ty đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án tiền sự... và được bổ sung bằng thư giới thiệu cá nhân và những cuộc phỏng vấn với các thành viên Hội đồng quản trị, đặc biệt là với Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Hợp đồng với Thư ký Công ty: Ngoài ra, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xác định các điều kiện của hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan tới thù lao và thủ tục kết thúc hợp đồng. Chủ tịch Hội đồng quản trị, có sự tham vấn của Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Lương thưởng, sẽ thay mặt Công ty soạn thảo hợp đồng để ký kết với Thư ký Công ty.
- c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.
- d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
- Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.
- e. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Khoản 3, Điều 32 của Điều lệ.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 của Điều lệ.
- Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:
 - + Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
 - + Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - + Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
- Quyền và nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Chương X của Điều lệ.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- Số lượng Kiểm soát viên của Công ty từ một (01) đến (03) người, trong đó có một (01) Trưởng ban kiểm soát.
- Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty và công ty mẹ.
 - Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
 - Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ.
- c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ sẽ thực hiện ứng cử, đề cử như sau:
- Hồ sơ cần thiết:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ học vấn;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác;
 - + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
 - + Quan hệ của ứng viên với Người có liên quan;
 - + Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty;
 - + Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể có ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Ban Kiểm soát;
 - + Văn bản về việc từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty.
 - Đối với nhóm cổ đông: Danh sách đầu đủ của nhóm cổ đông đề cử, bằng chứng về việc nắm giữ cổ phiếu đủ; văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử Kiểm soát viên.
 - Ứng viên Ban Kiểm soát sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.
 - Hồ sơ sẽ được gửi tới Trụ sở chính của Công ty.
 - Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
- d. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

- Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức dồn phiếu và tiến hành tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 3 Quy chế này.
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
 - Việc miễn nhiệm Kiểm soát viên được đề cập theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Điều lệ.
 - Việc bãi nhiệm Kiểm soát viên được đề cập theo quy định tại khoản 4 Điều 37 của Điều lệ.
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
 - Tất cả các trường hợp thay đổi Kiểm soát viên liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin
- g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát
 - Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- Trách nhiệm của Tổng Giám đốc được quy định tại Chương X của Điều lệ.
- Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

- a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc
 - Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 3, Điều 35 của Điều lệ.
 - Ngoài những quy định tại Điều 35 của Điều lệ, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:
 - + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty (*ưu tiên các cá nhân sở hữu nhiều cổ phần của Công ty*).
 - + Có trình độ đại học trở lên;
 - + Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh

- ng nghiệp nào hoặc các chức danh quản lý ở các công ty khác;
- + Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- b. Ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc, và Tổng Giám Đốc ký hợp đồng lao động với các Người điều hành doanh nghiệp khác.
- c. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.
 - Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.
- d. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc
- Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị; thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được tích hợp trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
- b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo điểm k Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.
- c. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
- Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
 - Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
 - Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan.
 - Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.
- d. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Các nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
- Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:
 - + Thành tích chung của Công ty, đặc biệt trong sự so sánh với đối thủ cạnh tranh;
 - + Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty;
 - + Các chỉ tiêu tiếp thị và kinh doanh của Công ty;
 - + Các kết quả tài chính của Công ty;
 - + Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan tới Quản trị công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, cũng như các vấn đề về đạo đức kinh doanh;
 - + Thành tích của Bộ máy quản lý, ở cấp độ nhóm lẫn cấp độ cá nhân.
- e. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc
 - Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
- f. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 - Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật;
 - + Trường các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung mà Tiểu ban đã thông qua rằng Tổng Giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.
- g. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên
 - Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc theo quy chế hoạt động của các Tiểu ban chuyên trách.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp các tiểu ban.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các người điều hành doanh nghiệp khác sau khi tham khảo với Tổng Giám Đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.
 - Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc theo Khoản 2 Điều 27 của Điều lệ, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
 - Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành

viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.
- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày (thông qua Thư ký).

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

a. Đánh giá hoạt động

- Hội đồng Quản trị:
 - + Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá thành viên Hội đồng quản trị kết hợp với đánh giá hoạt động các tiểu ban và đánh giá từng thành viên Hội đồng quản trị. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.
 - + Đánh giá hoạt động Hội đồng quản trị và các tiểu ban: Tiêu chí đánh giá: Hành vi và hiệu quả hoạt động, và thể hiện qua các khía cạnh:
 - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
 - Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị ;
 - Số cuộc họp của Hội đồng quản trị, của các tiểu ban và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin ;
 - Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
 - Xây dựng chính sách thù lao cho Hội đồng quản trị ;
 - Các chính sách mới được phát triển và ban hành;
- Thành viên Ban kiểm soát:
 - + Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.
 - + Ban kiểm soát thực hiện việc đánh giá thành viên Ban kiểm soát dựa trên các tiêu chí sau:
 - Việc tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Việc thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ.

b. Khen thưởng

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của Quy chế này.
- Hình thức khen thưởng:
 - + Bằng tiền;
 - + Bằng hình thức phi vật chất khác;
- Đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị quyết định trong phạm vi thù lao được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

c. Kỷ luật

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng ... năm

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công Ty quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên Độc Lập HĐQT của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

Cụ thể: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 01 thành viên;
- Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 thành viên;
- Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 03 thành viên.
- Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 04 thành viên.
- Từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử, ứng cử tối đa 05 thành viên.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số

phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất hai (02) người Điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và điều kiện tình hình của Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hà Nội, ngày.... tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm (sau đây gọi là “**Luật Chứng khoán**”);
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm (sau đây gọi là “**Luật Doanh nghiệp**”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nhưng không vượt quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty, công ty mẹ và (các) công ty con của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Và các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại ngày chốt danh sách có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 3 điều 12 của Điều lệ công ty.

Cụ thể: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 01 thành viên;
- Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 02 thành viên;
- Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 03 thành viên;
- Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử, ứng cử tối đa 04 thành viên;
- Từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử, ứng cử tối đa 05 thành viên;

Việc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng

cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này và Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn kết luận rằng người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng vị trí của thành viên này bị bỏ trống trong suốt thời gian này;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội

- đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
 13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
 14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
 18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
 20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
 21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 22. Xây dựng, cập nhật và/hoặc điều chỉnh Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp và Quyết định của Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được quá bán số thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
3. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a) Được quá bán số thành viên tham gia biểu quyết bằng văn bản chấp thuận; và
 - b) Số lượng thành viên tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng đủ tỷ lệ về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp trực tiếp của Ban kiểm soát như quy định tại Điều 14 bên trên.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều

phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN